

MỨC TRÁCH NHIỆM VÀ BIỂU PHÍ BẢO HIỂM TNDS BẮT BUỘC XE CƠ GIỚI

(Theo Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16.02.2016 của Bộ Tài Chính)

I. Mức trách nhiệm bảo hiểm:

1. Trách nhiệm dân sự (TNDS) của chủ xe mô tô:

a. Về người: **100 triệu đồng/người/vụ** (đối với bên thứ ba)

b. Về tài sản: **50 triệu đồng/vụ** (đối với bên thứ ba)

2. TNDS của chủ xe ô tô:

a. Về người: **100 triệu đồng/người/vụ** (đối với bên thứ ba và hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách)

b. Về tài sản: **100 triệu đồng/vụ** (đối với bên thứ ba)

II. Phí bảo hiểm:

STT	LOẠI XE	Phí TNDS BB (chưa thuế)	Thuế	PHÍ TNDS BB (đã bao gồm thuế)
1	2	3	4=3x10%	5=3+4
I XE MÔ TÔ 2 BÁNH				
1	Từ 50 cc trở xuống	55,000	5,500	60,500
2	Trên 50 cc	60,000	6,000	66,000
II XE MÔ TÔ 3 BÁNH, XE GẮN MÁY VÀ CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI TƯƠNG TỰ				
		290,000	29,000	319,000

III	XE Ô TÔ KHÔNG KINH DOANH VẬN TẢI			
1	Dưới 06 chỗ ngồi	437,000	43,700	480,700
2	Từ 06 đến 11 chỗ ngồi	794,000	79,400	873,400
3	Từ 12 đến 24 chỗ ngồi	1,270,000	127,000	1,397,000
4	Trên 24 chỗ ngồi	1,825,000	182,500	2,007,500
5	Xe vừa chở người vừa chở hàng (Pickup)	933,000	93,300	1,026,300
IV	XE Ô TÔ KINH DOANH VẬN TẢI			
1	Dưới 06 chỗ ngồi	756,000	75,600	831,600
2	06 chỗ ngồi	929,000	92,900	1,021,900
3	07 chỗ ngồi	1,080,000	108,000	1,188,000
4	08 chỗ ngồi	1,253,000	125,300	1,378,300
5	09 chỗ ngồi	1,404,000	140,400	1,544,400
6	10 chỗ ngồi	1,512,000	151,200	1,663,200
7	11 chỗ ngồi	1,656,000	165,600	1,821,600
8	12 chỗ ngồi	1,822,000	182,200	2,004,200
9	13 chỗ ngồi	2,049,000	204,900	2,253,900
10	14 chỗ ngồi	2,221,000	222,100	2,443,100
11	15 chỗ ngồi	2,394,000	239,400	2,633,400
12	16 chỗ ngồi	3,054,000	305,400	3,359,400
13	17 chỗ ngồi	2,718,000	271,800	2,989,800
14	18 chỗ ngồi	2,869,000	286,900	3,155,900
15	19 chỗ ngồi	3,041,000	304,100	3,345,100
16	20 chỗ ngồi	3,191,000	319,100	3,510,100
17	21 chỗ ngồi	3,364,000	336,400	3,700,400
18	22 chỗ ngồi	3,515,000	351,500	3,866,500
19	23 chỗ ngồi	3,688,000	368,800	4,056,800

20	24 chỗ ngồi	4,632,000	463,200	5,095,200
21	25 chỗ ngồi	4,813,000	481,300	5,294,300
22	Xe trên 25 chỗ ngồi	$4,813,000 + 30.000 \times (\text{số chỗ ngồi} - 25 \text{ chỗ})$	Thuế = 10%Phí chưa VAT	= Phí + Thuế
V XE Ô TÔ CHỞ HÀNG (XE TẢI)				
1	Dưới 3 tấn	853,000	85,300	938,300
2	Từ 3 đến 8 tấn	1,660,000	166,000	1,826,000
3	Từ 8 đến 15 tấn	2,746,000	274,600	3,020,600
4	Trên 15 tấn	3,200,000	320,000	3,520,000
VI MỘT SỐ LOẠI XE KHÁC				
1	Xe tập lái	Tính bằng 120% của phí xe cùng chủng loại quy định tại mục III và mục V		
2	Xe Taxi	Tính bằng 170% của phí xe kinh doanh cùng số chỗ ngồi quy định tại mục IV		
3	Xe Ô tô chuyên dung	<ul style="list-style-type: none"> - Phí bảo hiểm xe cứu thương được tính bằng 120% phí bảo hiểm của xe pickup. - Phí bảo hiểm của xe chở tiền được tính bằng 120% phí bảo hiểm của xe dưới 6 chỗ ngồi quy định tại mục III. - Phí bảo hiểm của các loại xe chuyên dùng khác được tính bằng 120% phí bảo hiểm của xe chở hàng cùng trọng tải quy định tại mục V. 		
4	Đầu kéo Rơ moóc	Tính bằng 150% của phí xe trọng tải trên 15 tấn. Phí bảo hiểm của xe đầu kéo rơ-moóc là phí của cả đầu kéo và rơ-moóc		
5	Xe máy chuyên dung	Tính bằng 120% phí bảo hiểm của xe chở hàng dưới 3 tấn quy định tại mục V		
6	Xe buýt	Tính bằng phí bảo hiểm của xe không kinh doanh vận tải cùng số chỗ ngồi quy định tại mục III		

*** Lưu ý:**

- Không nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc dài hạn hơn 01 (một) năm.
- Đối với các trường hợp đặc biệt (được quy định trong thông tư) có thể nhận bảo hiểm dưới 01 (một) năm, phí bảo hiểm được tính như sau:

$$\text{Trường hợp 1:} \quad \text{Phí bảo hiểm phải nộp} = \frac{\text{Phí bảo hiểm năm theo loại xe cơ giới}}{365 \text{ (ngày)}} \times \text{thời hạn được bảo hiểm (ngày)}$$

Trường hợp 2: Trường hợp thời hạn được bảo hiểm từ **30 ngày trở xuống** thì phí bảo hiểm phải nộp được tính bằng phí bảo hiểm năm theo loại xe cơ giới (chia) cho 12 tháng.

Việc thanh toán phí bảo hiểm hoặc các cam kết thanh toán phí bảo hiểm được thực hiện như sau:

Trường hợp 1: **Phí bảo hiểm dưới 50 triệu đồng:** Chủ xe cơ giới thanh toán 01 lần tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm

Trường hợp 2: **Phí bảo hiểm từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng:** Chủ xe cơ giới thỏa thuận bằng văn bản với doanh nghiệp bảo hiểm thanh toán 01 lần, thời hạn thanh toán không quá 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Phí bảo hiểm từ 100 triệu đồng trở lên: Chủ xe cơ giới thỏa thuận bằng văn bản với doanh nghiệp bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm như sau:

Trường hợp 3: - Lần 1: Thanh toán 50% tổng phí bảo hiểm trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm;

- Lần 2: Thanh toán 50% phí bảo hiểm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.